

CHÍNH SÁCH CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN VỀ VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG (THẾ KỈ XVII – XVIII)

Trần Văn Kiên

Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Sự chuyển đổi mô hình nhà nước từ tập trung sang phân tán quyền lực và sự hình thành các nhánh quyền lực chính trị đồng thời diễn ra với quá trình mở rộng, xác lập ảnh hưởng của các chúa Nguyễn trên đất liền cũng như trên vùng Biển Đông rộng lớn. Trong hành trình dựng nghiệp của các chúa Nguyễn ở phương Nam, tuyến giao thông – giao thương trên Biển Đông ngày càng đóng vai trò quan trọng, trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống chính trị - quân sự ở Đàng Trong thời bấy giờ. Theo đó, các vùng biển và hải đảo dần dần được đặt trong sự kiểm soát ngày càng chặt chẽ hơn của thủy quân dưới quyền các chúa Nguyễn. Khẳng định chủ quyền quốc gia, bảo vệ lợi ích và xác lập cách ứng xử với tàu nước ngoài trên Biển Đông đã trở thành những mục tiêu quan trọng của thủy quân nói riêng và hệ thống chính trị Đàng Trong nói chung trong suốt các thế kỉ XVII – XVIII. Để hiện thực hóa những mục tiêu ấy, nhiều hoạt động được tiến hành song song, từ việc xây dựng, tổ chức và huấn luyện lực lượng thủy quân đông đảo, tinh nhuệ nhằm tăng cường khả năng tuần tra, tác chiến, đảm bảo an ninh biển, đến việc cứu trợ, cứu nạn thuyền bè trong và ngoài nước... tất cả đều được tiến hành một cách liên tục, có hệ thống, gắn liền với quá trình xác lập và củng cố quyền lực của chính quyền phong kiến cát cứ phía Nam sông Gianh.

Từ khóa: Biển Đông, Chúa Nguyễn, chủ quyền quốc gia, thủy quân, trách nhiệm quốc tế.

1. Mở đầu

Nghiên cứu về Biển Đông, về chủ quyền biển và hải đảo của Việt Nam là chủ đề dành được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế trong hơn bốn thập kỉ gần đây. Những công bố của Võ Long Tê (1974), Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa của Hoàng Xuân Hãn, Trần Thế Đức và cộng sự (1975), cùng các chuyên khảo của Văn Trọng (1981), Nguyễn Việt và cộng sự (1983), sách của Vũ Phi Hoàng (1992), luận án của Li Tana (1992), chuyên khảo của Nguyễn Nhã cùng cộng sự (2008, 2013), công bố của Nguyễn Văn Kim (2011), Trần Công Trục (2012), Nguyễn Thế Trung (2013), Trần Thị Mai (2013), chuyên khảo của Trần Đức Anh Sơn (2014), Nguyễn Đình Đầu (2014), Nguyễn Ngọc Trường (2014), Đỗ Bang (2014), Nguyễn Quang Ngọc (2017), Lê Tiến Công (2017), Trần Nam Tiến (2018)... là những công trình tiêu biểu đề cập nhiều về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa, quá trình phát triển thủy quân trong lịch sử, xác lập chủ quyền trên biển Tây Nam Bộ... Các công bố trên đây cho thấy, “chính sách” về Biển Đông, quá trình xác lập ảnh hưởng của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong trên Biển Đông trong các thế kỉ XVII – XVIII là vấn đề còn bỏ ngỏ.

Các chúa Nguyễn từ lúc vượt qua dãy Hoành Sơn tiến vào “lập nghiệp” ở vùng Thuận Hóa năm 1558 cho đến khi thành lập vương triều Nguyễn năm 1802 tại Phú Xuân đã có những mối

Ngày nhận bài: 19/3/2019. Ngày sửa bài: 19/4/2019. Ngày nhận đăng: 12/5/2019.

Tác giả liên hệ: Trần Văn Kiên. Địa chỉ e-mail: kientv@hnue.edu.vn

liên hệ chặt chẽ với yếu tố biển. Trên hành trình gần 3 thế kỉ các chúa Nguyễn xây dựng đế chế phong kiến cát cứ với không ít khó khăn và xung đột, đường biển là tuyến giao thông quen thuộc trong giao thương và trong chiến trận. Biển Đông trở thành một phần quan trọng trong đời sống chính trị - quân sự Việt Nam thời bấy giờ, nơi mà lực lượng cát cứ Đàng Trong đã từng bước thực thi các biện pháp nhằm củng cố thế lực, bảo vệ chủ quyền cũng như lợi ích của quốc gia dân tộc, đồng thời thiết lập lối hành xử với tàu thuyền ngoại quốc. Tuy còn chưa rõ về “sự tuyên bố ý định” các chúa Nguyễn trên Biển Đông, song trong cả quá trình hàng thế kỉ duy trì các hoạt động bảo đảm an ninh, bảo vệ lợi ích trên biển cho thấy tính chất hệ thống của việc thực thi chủ quyền tựa như tạo thành “chính sách” của chính quyền Đàng Trong về Biển Đông. Việc khảo cứu chính sách của chúa Nguyễn về vấn đề Biển Đông trong các thế kỉ XVII – XVIII thực chất là xem xét các hành động khẳng định chủ quyền và các hoạt động cứu trợ quốc tế trong mối liên hệ với mong muốn của các nhà chính trị đương thời.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở của việc thực thi chủ quyền trên biển của các chúa Nguyễn

Sự khẳng định quyền làm chủ lãnh thổ trên đất liền ở Nam Trung Bộ [1; tr.7-20] và Nam Bộ [2; tr.232-234] đã xác lập cơ sở chính trị và xã hội cho quá trình thực thi chủ quyền trên các vùng biển đảo từ Nhật Lệ đến vùng biển đảo Tây Nam Bộ của các chúa Nguyễn. Hành trạng của Đoan Quận công Nguyễn Hoàng trên con đường nương náu ở Thuận – Quảng đã bắt đầu cho cuộc phân tranh thế kỉ hai bên bờ sông Gianh. Ngay cả khi nuôi ý định trở lại Thăng Long, Đoan Quận công vẫn lợi dụng vị thế trấn giữ vùng biên để xây dựng lực lượng riêng tại các dinh trấn phía Nam đèo Ngang. Ông cho quân dựng đồn lũy ở miền duyên hải từ mùa đông năm 1560 [3; tr.138], mở rộng ảnh hưởng ở Quảng Nam, đầu thập niên 1570 [4; tr.14], và không ngừng khẳng định vị thế bằng những thắng lợi trên biển [5; tr.146-147] cũng như trên đất liền [6; tr.237-243]. Dưới bàn tay tổ chức của Nguyễn Hoàng, vùng đất cực Nam của Đại Việt, nơi tưởng rằng chỉ là “rừng thiêng nước độc”, vào cuối thế kỉ XVI đã trở nên ngày một đông đúc, các dinh trấn được mở mang thành nơi buôn bán với các tàu thuyền ngoại quốc [7; tr.29-31]. Bằng một nền cai trị khoan sức dân, Nguyễn Hoàng đã từng bước tạo dựng các trấn Thuận - Quảng thành vùng bàn đạp trong hành trình tiến về phương Nam. Tuy nhiên, sự phá sản trong tham vọng trở lại Thăng Long của gia tộc họ Nguyễn đã thúc đẩy tình trạng cát cứ và chia cắt. Chúa Nguyễn Phúc Khoát tiến thêm một bước trong tham vọng chính trị vào năm 1744, ông xưng vương, cho đổi phủ làm điện, gọi li sở là “đô thành”, xây dựng thiết chế triều đình. Ông chia Đàng Trong thành 12 dinh [8; tr.346-349], lập lãnh thổ tự trị, chối bỏ những ràng buộc của chính quyền trung ương. Vị trí li sở là trung tâm đồn trú của chính quyền cát cứ cũng nhích dần về phương Nam, thích ứng với những vận động của các chúa Nguyễn. Từ li sở Ái Tử (Quảng Trị) thời Đoan Quận công (1558) đến Chính dinh tại Phú Xuân năm 1687, cho thấy tầm nhìn của các chúa Nguyễn đối với vùng Thuận - Quảng [2; tr.17-18]. Không chỉ dành mối quan tâm đặc biệt ở Phú Xuân, sự hiện diện của Nguyễn Phúc Nguyên ở trấn Quảng Nam trong hai thập niên đầu thế kỉ XVII là sự tái khẳng định tầm quan trọng của vùng đất này [4; tr.15]. Các kho chứa lương thực được xây dựng góp phần kiến thiết Quảng Nam thành hậu phương vững chắc. Đó là nền tảng chính trị - xã hội để các chúa Nguyễn củng cố thế lực, mở mang phạm vi trấn trị [9; tr.132-135].

Dưới sự thúc đẩy của các chúa Nguyễn, người Việt lần dần về phương Nam thông qua chinh phục và di dân khai hoang lập ấp. Thực hiện chủ ý của Nguyễn Hoàng, Phù Nghĩa hầu Lương Văn Chánh (tri huyện Tuy Viễn, trấn An Biên) đã mở đầu cho các cuộc xâm lấn đại quy mô khi đưa 4.000 lưu dân đi khai hoang ở khu vực giữa đèo Cù Mông và đèo Cả năm 1597. Các thiết chế của chúa Nguyễn bắt đầu hiện diện trên đất Gia Định, Bến Nghé từ năm 1623 [10; tr.132] và sau đó lan dần trên các vùng Trấn Biên, Long Hồ, Hà Tiên. Cho đến cuối thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn

thiết lập các thỏa thuận với Chân Lạp, dồn lực lượng người Hoa của Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch đi khai khẩn ở Biên Hòa, Mỹ Tho (1679) [11; tr.41-43], đưa quân Nguyễn Hữu Cảnh đến đất Đồng Nai lập phủ Gia Định (1698), đưa hơn 4 vạn dân từ Bồ Chính đến hai vùng Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định) [1; tr.12]. Việc chấp thuận làm chỗ dựa cho gia tộc Mạc Cửu từ năm 1708 đem lại cho chính quyền Đàng Trong quyền làm chủ về danh nghĩa đối với trấn Hà Tiên. Những năm cuối thế kỉ XVIII, trong khi chạy trốn Tây Sơn, chúa Nguyễn vẫn đặt một phần binh quyền vùng cực Nam trong tay các thế hệ kế tục gia tộc họ Mạc [7; tr.122, 183] trước khi loại bỏ ảnh hưởng của họ ở vùng Tây Nam Bộ [12; tr.773].

Cơ sở thứ hai để các chúa Nguyễn thực thi chủ quyền trên Biển Đông là dựa vào các lực lượng phòng vệ bờ biển, lực lượng thủy quân đông và mạnh, được trang bị nhiều phương tiện. Quân đội Đàng Trong trở thành một thế lực quân sự mạnh của khu vực Đông Nam Á trong các thế kỉ XVII - XVIII. Tuy có những lúc xung đột xảy ra khiến cho quyền lực của chúa Nguyễn bị gián đoạn song kể từ sau 1777 cho đến khi họ hạ bệ được đội quân Tây Sơn cũng là lúc các chúa Nguyễn phục hồi, củng cố và duy trì chủ quyền trên biển. Nhiều đời chúa Nguyễn là những chỉ huy thủy quân xuất sắc khi các cuộc xung đột vũ trang bùng nổ. Những thắng lợi của Nguyễn Hoàng trên hành trình vào Nam ra Bắc cuối thế kỉ XVI đã mở đầu hình thành lực lượng quân thủy này. Tiếp nối công nghiệp của tiền nhân, tổ chức quân thủy dưới trướng các chúa Nguyễn ngày càng phát triển và hoàn thiện về tổ chức. Trong những năm 1650, lực lượng thủy quân Thuận – Quảng lên đến trên 2 vạn người [13; tr.36] với trang bị gần 360 thuyền chiến. Riêng quân đồn trú và tuần tiễu ở dinh Trại, dinh Bồ Chính (Quảng Bình) đầu thế kỉ XVIII có 55 chiến thuyền và 76 sở tuần tra. Chính nhờ thủy quân đông đúc mà các lực lượng thủy quân từ dinh Trại (Quảng Bình) đến dinh Bình Khang (Khánh Hòa) có thể điều chuyển hỗ trợ đảm nhận việc giữ trị an trên biển qua lại cho nhau [7; tr.62, 131]. Hơn nữa, số lượng thuyền buồm có xu hướng gia tăng, theo tính toán của Borri và Bowyaer. Năm 1695, thủy quân chúa Nguyễn có trên 200 thuyền buồm lớn sử dụng 50 đến 76 tay chèo và khoảng 500 thuyền buồm loại nhỏ sử dụng 40 – 44 tay chèo [13; tr.43-44].

Những năm cuối thế kỉ XVIII, Nguyễn Ánh sắp xếp lại lực lượng thủy quân 4 dinh phía Nam trong cuộc chiến tranh với quân Tây Sơn. Thủy quân được tái cấu trúc theo hướng lập *Trung quân thủy dinh* thuộc dinh Phiên Trấn gồm 5 thuận chi, 5 khuông hiệu, 5 dực hiệu tổng cộng 3.000 quân sĩ. Trấn Long Hồ là một trong những nơi tập trung lực lượng với 18 thủy đội, thường xuyên được bổ sung nhân lực từ các đợt tuyển quân tại các cửa biển Cô Chiên, Bạch Châu, Bàng Côn, Ngao Châu, Nhật Bản, Ba Lai, Cửa Đại, Cửa Tiểu, Tắc Khái, Lí Lê, Xích Lam [7; tr.259-260, 270-271]. Phiên chế thủy quân, vào giữa năm 1796, mở rộng từ 3 dinh Tiền, Trung và Hậu thủy thành 5 dinh bởi sự bổ sung hai dinh Tả thủy và Hữu thủy. Võ Di Nguy - viên võ tướng từ thời Định vương Nguyễn Phúc Thuần - được tin tưởng giao trọng trách quản dinh Trung thủy, cùng với quan Công bộ Trần Văn Thái kiêm quản trông coi việc sửa chữa, đóng mới ghe thuyền cho toàn bộ thủy quân [14; tr.176]. Thập niên 1790 xác nhận sự gia tăng lực lượng này trên cơ sở phối kết hợp và tăng thêm sức mạnh hỏa lực cho các chiến thuyền. Đội thuyền Kiên Dực trấn giữ ở vùng biển Kiên Giang và đội thuyền Uy Bính trông coi bảo vệ đặc biệt cho vùng biển Mỹ Tho là hai thế lực tiêu biểu của quá trình gia tăng sức mạnh thủy quân. Ngoài số quân biên chế, thuyền Uy Bính còn có 60 tay súng thiện xạ từ các lực lượng Mã đội, Trung súng, Tiền súng và Hậu súng [7; tr.304, 306]. Trong khi đó, ở những địa bàn xung yếu thuộc Bình Thuận, Bình Khang, chúa Nguyễn cho xây dựng các "đài phong hỏa" nhằm tăng cường khả năng phòng ngự bờ biển. Những khu vực cửa biển thuộc hai phủ Triệu Phong và Quảng Bình, chúa Nguyễn đặt chức "thủ ngự" chỉ huy lực lượng phòng giữ biển gồm tinh binh tuyển chọn từ hai lực lượng Mật sai và Võ giáp. Bộ phận hỏa lực trong quân đội Đàng Trong có sự gia tăng đáng kể trong hơn 1 thế kỉ, từ 200 đại bác năm 1642 tăng lên 1.200 đại bác vào năm 1750, phần lớn được chế tạo từ các phường đúc ở Phú Xuân dưới sự giúp đỡ về kĩ thuật của người Bồ Đào Nha [13; tr.40].

Bên cạnh tổ chức quân thủy chính quy thiện chiến, lực lượng quân thủy địa phương đã ra đời từ nửa đầu thế kỉ XVII với các đội Hoàng Sa, Bắc Hải, Thanh Châu, hải môn... Các lực lượng thủy đội địa phương ở trấn Quảng Nam và vùng duyên hải miền Trung từ thời các chúa Nguyễn Phúc Lan, Nguyễn Phúc Tần bước đầu xác lập và thực thi có hiệu quả chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa [15; tr.281-282]. Đội Hoàng Sa gồm 70 ngư dân của xã Vĩnh An, Bình Sơn, Quảng Ngãi chuyên trách việc thăm dò tình hình trên các bãi, các đảo xa bờ [4; tr.37-39]. Đội Bắc Hải bao gồm những ngư dân ở thôn Tứ Chánh và xã Cảnh Dương, Bình Thuận, hoạt động ở khu vực cửa biển gần phủ Quy Nhơn, trên các hải đảo như Tân Quan, Thờ Phú, Nước Ngọt, Nước Mặn [2; tr.177-182]. Cuối thế kỉ XVIII, cư dân vùng cửa biển thuộc các dinh Phiên Trấn, Trấn Biên, Trấn Định và Vĩnh Trấn được tổ chức thành các nhóm dân binh địa phương đảm nhận vai trò hỗ trợ phòng bị đồn lũy, tham gia phòng giữ bờ biển [7; tr.266].

Sức mạnh của lực lượng thủy quân Đàng Trong được vun đắp bởi sự huấn luyện thường xuyên, nghiêm khắc cũng như sự trang bị các phương tiện và vũ khí. Nguyễn Hữu Tiến là trường hợp tiêu biểu cho cách huấn luyện thủy quân của các chúa Nguyễn, từ vị trí lính coi thuyền được Đào Duy Từ tiến cử làm đội trưởng (năm 1631) vì chăm chỉ và nghiêm khắc trong luyện binh, nhất là cách luyện binh vào ban đêm. Thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1642), quân thủy hai miền Thuận – Quảng được chỉnh đốn và tăng cường tập luyện. Mỗi năm vào tháng 7, thủy quân thực hiện tập luyện đảm bảo các kĩ thuật điều khiển thuyền chiến và kĩ thuật bắn súng trên thao trường Hoảng Phước (Phú Vang). Cuộc diễn tập năm 1708 ở thượng lưu sông Hương (Phú Xuân) có sự tham gia của 8 cơ, 20 đội và 1 dinh Hậu thủy, tổng cộng gần 100 thuyền chiến do đích thân chúa Nguyễn quan sát và đốc suất [7; tr.123].

Các chúa Nguyễn dành nhiều sự quan tâm đến việc tăng số lượng phương tiện trang bị dành cho thủy quân, nhất là trong giai đoạn cao trào của cuộc chiến tranh chống Tây Sơn. Chỉ riêng trong tháng 3 năm 1778, khi quân của Nguyễn Ánh mới trở lại ở đất Gia Định, ông đã cho đóng hơn 50 thuyền chiến thuộc phiên hiệu Long Lân. Giữa năm 1780 trở đi, việc đóng binh thuyền bằng gỗ có bánh lái dài cùng với gác sà chiến đấu được trang bị phên tre bảo vệ quân tham chiến trên tàu đã được tiến hành. Hàng trăm thuyền chiến bằng gỗ được chính các xưởng thủy sư (từ bờ sông Tân Bình đến bờ sông Bình Trị dài trên 3 dặm) chế tạo trong các năm từ 1781 cho đến năm 1801, đều do Võ Di Nguy trực tiếp chỉ huy. Năm 1791, chúa Nguyễn cho xây dựng xưởng đóng thuyền ở Sa Khê, gần kề với khu vực Mỹ Tho để chuẩn bị đóng thêm hàng trăm thuyền chiến phân phó cho các đạo thủ Long Xuyên, Kiên Giang, Trấn Giang và Phú Quốc. Trong khi dân chúng từ Gia Định đến Hà Tiên đóng góp ván gỗ cho các xưởng thủy sư, Nguyễn Ánh đã móc nối với chính phủ và thương nhân Bồ Đào Nha để mua 1 vạn cây súng chim, 2.000 cỗ súng gang, 2.000 viên đạn nổ. Năm 1796, các chiến thuyền lớn đều được đặt tên hiệu bắt đầu bằng chữ Gia xếp theo trật tự tam tài và thập nhị chi, tổng cộng là 15 Gia thuyền thuộc quyền cai quản của 15 Tỉnh hải úy [7; tr.333]. Cuối năm 1801, chúa Nguyễn lập thêm các đội thủy quân Kiên Châu và Thiện Châu gồm các lính thủy có nguồn gốc từ Quảng Nam, giao vào trong tay Cựu đô đốc Lê Văn Chân và Cai cơ Nguyễn Thanh Phụng. Không lâu sau đó, Lê Văn Chân và Thanh Phụng cùng với Hữu tham tri Công bộ Nguyễn Khắc Thiệu đã đưa toàn bộ 390 quân thủy của hai đội ghe thuyền này vào đất Gia Định lập xưởng đóng thuyền ô, thuyền sai và thuyền chiến. Được trang bị chiến thuyền, lực lượng thủy quân của các chúa Nguyễn mới có thể phát huy được sức chiến đấu trên mặt biển và đảm đương công cuộc trị an.

2.2. Chính sách kiểm soát biển, quản lí tài nguyên trên biển

2.2.1. Chính sách tuần tra trên biển

Tuần tra trên biển là hoạt động thường xuyên của thủy quân Đàng Trong. Những thông tin do các nhóm tuần tra trình sát thu được đã góp phần hiệu quả đề quân đội chúa Nguyễn đảm bảo thực thi chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia trên Biển Đông. Trong cuộc xung đột với người Hà Lan ở

giữa thế kỉ XVII, chính hoạt động tuần tiễu trên biển đã phát hiện và thông tin kịp thời cho các lực lượng chiến đấu về sự xâm nhập của chiến thuyền Đông Ấn Hà Lan vào Quy Nhơn và Đà Nẵng. Nhờ đó, năm 1643, quân đội chúa Nguyễn đã ngăn chặn thành công cuộc hành quân xâm lấn có tính chất trả thù của quân Hà Lan vào đất Phú Xuân. Năm 1704, đích thân chúa Nguyễn Phúc Chu tuần hành đến phủ Phù Tôn, khảo sát kho tàng ở Lai Cách và vùng cửa biển Ma Linh trong thời gian 5 ngày. Trong những năm 1730 trở đi, chính quyền Đàng Trong dành sự quan tâm đến việc thực thi chủ quyền khi đích thân người đứng đầu chính quyền Đàng Trong vi hành thăm biển. Giữa năm 1732, chúa Nguyễn Phúc Chú thân chinh đưa thuyền đến cửa biển Tư Dung để kiểm xem thuyền vận tải lương thực. Sau đó, chính quyền Đàng Trong đã cho mua đồng hồ của phương Tây và cho đặt ở các dinh và các đồn tấn dọc đường bờ biển [7; tr.143-145] nhằm hỗ trợ cho việc phòng thủ.

Các lực lượng tuần tiễu của thủy quân ở Gia Định hay thủy quân của Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên cũng có những hoạt động hiệu quả. Năm 1766, khi quân Xiêm chuẩn bị chiến thuyền đánh chiếm đất Hà Tiên, tin cấp báo gửi về Mạc Thiên Tứ. Ông đã cho người cầu viện đại quân ở Gia Định và tháng 10 năm ấy Thống suất Tổng Văn Khôi và Tham mưu Nguyễn Thừa Mân cùng lực lượng dưới quyền là Nguyễn Cửu Siêu, Nguyễn Cửu Tự đem 3 chiếc thuyền đi biển, 20 chiếc thuyền sai và 1.000 tinh binh đóng giữ Hà Tiên để phòng ngừa quân Xiêm. Sau cuộc xung đột với quân Xiêm năm 1767, Mạc Thiên Tứ cử Trần Đại Lực (Cai đội đội Thắng thủy) đi trấn giữ vùng ven biển Chân Bôn (gần biên giới với nước Xiêm) đồng thời cho thủy quân Hà Tiên đi tuần xét các đảo trên biển Cỏ Công, Cỏ Cốt và Dân Khảm [7; 171]. Đội quân tinh nhuệ này đã lập công lớn khi phát hiện nơi ẩn náu của nhóm hải tặc Trung Hoa đến từ đất Triều Châu. Sau đó, các chúa Nguyễn một mặt thừa nhận quyền lực trấn trị của họ Mạc ở Hà Tiên, mặt khác tìm cách phủ dụ lực lượng này đóng vai trò quân tiền tiêu, tiến hành các cuộc tuần hành trên biển cũng như thăm dò động tĩnh các nước lân bang vốn có ý mưu lấy Hà Tiên. Từ Mạc Cửu cho đến Mạc Thiên Tứ khi tách khỏi sự lệ thuộc vào Chân Lạp đã tìm chỗ dựa ở chính quyền Đàng Trong. Những lúc Hà Tiên bị Chân Lạp, Xiêm đe dọa, bản thân thế lực của họ Mạc không kháng cự được thì đều báo về Gia Định, xin viện trợ của quân đội Đàng Trong [7; tr.175-176].

Ở những thập niên cuối của thế kỉ XVIII, chúa Nguyễn đã cho thành lập đơn vị chuyên quản việc tuần tra lấy tên là “Tuần hải đô dinh”. Trước đó việc tuần tiễu giao cho các dinh trấn hay quan thủ ngự cửa biển nhưng từ năm 1788, khi cho chuyển đổi quyền quản lí cửa biển Cần Giò, Nguyễn Ánh cho đặt đài hiệu lửa ở các dinh trấn này cùng với Đồng Tranh và Vũng Tàu, đồng thời ông cử Nguyễn Văn Trương đem thủy quân đi tuần các cửa biển. Năm 1797, cơ quan tuần tiễu này chịu sự quản lí của Hoàng Trung Đồng và La Á Lục, phiên chế gồm có 19 chiếc thuyền đại hiệu bắt đầu bằng các chữ Long, Phượng, Hồng, Loan, Bổng. Đối với những khu vực trọng yếu như vùng biển Gia Định, quân lưu thủ trấn đạo được giao nhiệm vụ mùa hè giữ đồn, mùa đông cho *Tuần hải đô binh* đi tuần trên biển. Nguyễn Văn Thành kiêm quản các tướng sĩ của cơ quan này từ đầu năm 1789 đã kết hợp lực lượng phòng vệ trên bờ với lực lượng thủy quân bằng cách cho xây hai thành Cá Dốc [Dốc Ngự] và Vàm Cỏ [Thảo Câu] [7; tr.244].

2.2.2. Các chính sách quản lí và khai thác tài nguyên biển

* *Đo đạc, khảo sát, vẽ bản đồ biển, khai thác khoáng vật, sản vật biển*: Hoạt động của thủy quân Đàng Trong trên Biển Đông, trước hết và chủ yếu liên quan đến chiến trận. Trong khoảng 1 thế kỉ hòa bình, những cuộc va chạm giữa hai phe Trịnh – Nguyễn ít xảy ra, là thời điểm mà chính quyền chúa Nguyễn triển khai được một số hoạt động nhằm bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông. Một sự kiện hiếm hoi xảy ra vào đầu thế kỉ XVIII thể hiện sự xác nhận chủ quyền trên Biển Đông là tháng 10 năm 1701 chúa Nguyễn Phúc Chu đã sai quan lại xem xét kĩ lưỡng địa thế Đàng Trong để vẽ bản đồ phạm vi cai quản. Cuối năm 1701 sang đầu năm 1702, chúa Nguyễn tỏ ra rất hài lòng khi việc vẽ bản đồ địa thế đã hoàn thành, trong đó có ghi về địa hình các vùng ven biển, các cửa biển trọng yếu, do đó đã thưởng cho những người có công tổng cộng 500 lạng bạc và 800

quan tiền [7; tr.114]. Bản đồ này là cơ sở cho các chúa Nguyễn bày trí lực lượng vừa giữ vững trị an trên đất liền đồng thời cũng để kiểm soát tình hình trên biển. Các chúa Nguyễn cũng đã đặt các đảo ven bờ trong sự kiểm soát nhằm thực thi quyền lực của chính quyền Đàng Trong trên những vùng của Biển Đông thuộc phạm vi hoạt động của thủy quân [1; tr.108-111].

Hành trình xa nhất mà “thủy quân” chúa Nguyễn vươn tới chính là khu vực có 130 bãi cát ở *Vạn lí trường sa* hay *Đại trường sa* đảo cách đất liền Bình Sơn, quê hương của hải đội Hoàng Sa, 3 ngày đêm đường biển. Giữa năm 1754, đội Hoàng Sa đã thực hiện chuyến ra khơi trên 5 chiếc thuyền câu. Hải trình của chuyến đi đã ghi chép rằng: *Đại trường sa* gồm những đảo lớn có nước ngọt để ngư dân, thành viên đội Hoàng Sa có thể sử dụng. Đó là điều kiện thuận lợi vô cùng quan trọng để tiến hành các chuyến hành trình luân phiên từ tháng 3 đến tháng 8 hàng năm ở Vạn lí trường sa lượm sản vật trên đảo hoặc hàng hóa của các tàu buôn gặp nạn trên biển trôi dạt vào. Những chuyến đi đến “núi cát” không hạn định ngày và tháng, cho dù có đem về cửa Eo (Yêu môn) thành Phú Xuân nhiều sản vật, nhiều hóa vật vào mỗi tháng 8 hàng năm [7; tr.164] nhưng thành viên hải đội Hoàng Sa hiểu rất rõ mức độ hiểm nguy mỗi khi thực thi nhiệm vụ ở khơi xa, họ luôn xác định trách nhiệm và chấp nhận sự thử thách của biển cả bằng cách sẵn sàng lo hậu sự cho bản thân trước mỗi chuyến đi.

Trong lúc đó, ở phạm vi phụ trách của đội Bắc Hải, Thanh Châu, các thủy đội chịu trách nhiệm tìm kiếm các hàng hóa của các tàu buôn trôi dạt vào Cù Lao Khoai thuộc Bình Thuận, đảo Côn Lôn thuộc Gia Định và núi Côn Lôn lớn ở ngoài biển thuộc trấn Hà Tiên [4; tr.38]. Cũng giống với hải đội Hoàng Sa, hoạt động của đội Bắc Hải với vai trò của lực lượng khai thác nguồn lợi biển địa phương và xác lập chủ quyền biển có tính chất quốc gia, chuyên sử dụng các loại thuyền “diễn xá” đến các vùng hải đảo. Dù *bãi cát vàng*, *Hoàng sa* chứ hay *Vạn lí trường sa* tuy chưa phải là mối bận tâm lớn của chính quyền Đàng Trong từ khi biệt lập cho đến giai đoạn phát triển thịnh đạt về phía Nam song cho thấy rõ ý thức nhất định về việc xác lập chủ quyền trên Biển Đông của chúa Nguyễn. Dường như, những ngư dân kiêm thành viên hải đội không gặp những tranh chấp nào từ phía người Hoa từ đảo Hải Nam khi họ tiếp cận vùng đảo Hoàng Sa mà ngược lại hai bên đã có những giao tiếp ôn hòa. Ngay cả khi thành viên của hải đội Hoàng Sa gặp nạn trên biển, dạt vào vùng biển của nhà Thanh, họ vẫn được quan lại địa phương cứu giúp để trở về nhà an toàn.

* *Chính sách thuế phí đối với tàu thuyền giao thương*: Các hoạt động giao thương với thương nhân nước ngoài ở Đàng Trong khởi sắc từ đầu cuối thế kỉ XVI do chính sách thương mại của triều Thanh (Trung Quốc) và của chính quyền Nhật Bản, sau đó mở ra sự thịnh đạt với các thương thuyền phương Tây [16; tr.414-452]. Sự hưng thịnh của các trung tâm thương mại với khoảng 60 hải cảng [17; tr.91] như Thanh Hà (Phú Xuân), Hội An (Quảng Nam), Tân Châu, Đê Gi, Nước Mặn (Bình Định), Vũng Lắm (Phú Yên), Gia Định, Cù Lao Phố (Đồng Nai), Mỹ Tho (Tiền Giang), Hà Tiên... đầu thế kỉ XVII, thu hút các thuyền buôn đến từ các quốc gia Đông Á như Trung Quốc và Nhật Bản [18; tr.23-24]. Thời điểm này chúa Nguyễn Phúc Nguyên mới cầm quyền, việc đánh thuế các thuyền buôn nước ngoài ghé qua cảng, cửa biển Đàng Trong đã được thực hiện theo định ngạch. Thể lệ ngạch thuế thuyền buôn được xác lập như sau:

Bảng 1. Biểu thuế thuyền buôn đến Đàng Trong (đơn vị tính: quan)

STT	Nơi thuyền đi	Thuế cập bến	Thuế xuất bến
1.	Tây Dương	8.000	800
2.	Mã Cao, Nhật Bản	4.000	400
3.	Thượng Hải	3.000	300
4.	Quảng Đông	3.000	300

5.	Phúc Kiến	2.000	200
6.	Xiêm La, Lữ Tống	2.000	200
7.	Hải Đông	500	50

[Nguồn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập 1, tr.165]

Ngoài ra các tàu thuyền đến buôn bán ở Đàng Trong còn phải nộp thêm một khoản cho lễ báo tin cho các chức vụ quan lại trong Tàu vụ ty ở Hội An [16; tr.422-423]. Với mức ấy, người Xiêm đã có sự phản ứng bằng cách tâu lên dinh chúa Nguyễn việc quan lại địa phương nhân đánh thuế cao thuyền buôn của Xiêm đến mức tịch thu cả hàng hóa của họ và xin được cấp một số thẻ bài miễn thuế. Tất nhiên, chính quyền Đàng Trong khi đó không đồng thuận với đề nghị này vì thuyền Xiêm đã nhận mức thuế gần như thấp nhất theo định ngạch, chỉ cấp duy nhất 1 thẻ bài miễn thuế để giữ mối quan hệ ngoại giao [2; tr.164-165]. Thậm chí, trong việc đánh thuế thuyền buôn, chính quyền Đàng Trong còn cứng rắn quy định việc cố tình giấu giếm hàng hóa được coi có tội, toàn bộ số hàng hóa được che giấu sẽ bị tịch thu sung công cùng với thuyền hàng. Đối với những tàu thuyền không có hàng hóa thì nhất quyết không cho tiến vào cửa biển.

Nhìn vào số thuế thu được (trong khoảng một vạn đến hơn ba vạn quan) có thể đoán định được số thuyền buôn đến Đàng Trong những năm đầu thời kỳ chúa Nguyễn Phúc Nguyên, khoảng trên dưới 20 tàu cập bến mỗi năm. Điều này rất phù hợp với chính sách hàng hải và thương mại của các nước phương Tây cũng như các thị trường lớn ở Đông Bắc Á khi đó. Chỉ tính riêng số thuyền Nhật Bản ghé vào Hội An giai đoạn 1604-1634 là 86 thuyền, tương ứng với 25% số thuyền Nhật Bản đến các thương cảng ở Đông Nam Á [19; tr.12]. Chính quyền chúa Nguyễn đã xác lập cách thức phân chia lợi ích bằng cách chia làm 10 thành, 6 thành nộp vào kho của chính quyền, 4 thành cấp phát cho quan lại và quân nhân tại điểm thu thuế. Việc hạn định ngạch thuế thuyền buôn ngoại quốc này được duy trì cho đến khi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ cho đến khi lập lại bộ máy cầm quyền vào cuối những năm 1780 ở Gia Định. Năm 1788, Nguyễn Ánh cho chuyển đổi quyền quản lý cửa biển Cần Giờ từ Trấn Biên về Phiên Trấn, lấy Khâm sai thuộc nội cai đội Phan Văn Đồng làm Thủ ngự đánh thuế ra vào cảng của các thuyền buôn [7; tr.165, 237].

Năm 1789, chính quyền chúa Nguyễn chính thức ban hành các loại thuế cảng và lễ cho những thuyền buôn của người Thanh đến buôn bán ở đất Gia Định và Hà Tiên. Theo quy chế, biểu thuế mới dành cho các thuyền buôn đến từ Đông Á được áp dụng như sau:

Bảng 2. Biểu thuế thuyền buôn đến Đàng Trong (đơn vị tính: quan)

STT	Nơi thuyền đi	Thuế cập bến (quan)	Lễ cai tàu (vải sa mát - cây)	Tơ màu (tầm)	Xem com (quan)
1.	Hải Nam	650	6 cây	12	60
2.	Triều Châu	1.200	8 cây	15	80
3.	Quảng Đông	3.300	12 cây	25	100
4.	Phước Kiến	2.400	10 cây	20	80
5.	Thượng Hải	3.300	15 cây	25	100

[Nguồn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập 1, tr.241]

Đặc biệt, do đang có chiến sự với quân Tây Sơn nên chúa Nguyễn ở Nam Bộ đã ra lệnh cấm đối với tất cả các loại hàng hóa binh khí và những loại hàng hóa có quan hệ đến binh dụng. Cuối năm 1790, chúa Nguyễn lại lệnh cho quan sở tại dựng trường hải quan để thu thuế thuyền buôn các nước. Năm 1796, chúa Nguyễn lại cho định ngạch thuế hàng hóa thuyền buôn đối với tàu của người Thanh và tàu buôn phương Tây, theo đó khi các nhà buôn này mua ngà voi, sừng tê, đậu khấu, sa nhân thì cứ 100 quan hàng hóa sẽ thu thành 5 quan tiền thuế. Năm 1797 chuẩn định hàng

hóa chuyên chở đối với các thuyền buôn nước Xiêm có mối quan hệ buôn bán ở đất Nam Bộ, chính quyền độc quyền mua bán các loại sắt, diêm tiêu và cho phép buôn bán tự do các sản phẩm thuộc về tơ, vải hay những hàng hóa không thuộc danh mục quan hệ đến binh dụng. Các quy định này khẳng định chủ quyền của chính quyền Đàng Trong đối với các vùng cửa biển và hải đảo mà các thương thuyền nước ngoài buộc phải thừa nhận.

2.3. Chính sách đối với tàu nước ngoài trên Biển Đông

2.3.1. Cứu trợ tàu thuyền nước ngoài gặp nạn trên Biển Đông

Những hoạt động cứu trợ thời kỳ chúa Nguyễn được ghi chép lại không nhiều. Khi việc buôn bán của các thương nhân Trung Quốc và Nhật Bản thịnh đạt ở Hội An, chúa Nguyễn đã cho đặt ở đây một cơ quan chuyên quản lí tàu buôn ngoại quốc cập bến lấy tên là Ty tàu vụ, giao cho dân Minh Hương phụ trách [16; tr.422]. Ty này ngoài các trách nhiệm quản lí tàu trên bến còn có nhiệm vụ đặc biệt là cứu giúp các nạn nhân trên biển bị sóng gió đánh dạt vào bờ. Những ghi chép của các nhà buôn ngoại quốc đi qua khu vực các đảo ở Hoàng Sa xác thực vai trò của các hải đội Hoàng Sa trong việc cứu trợ các tàu thuyền nước ngoài gặp khó khăn do không quen đường đi [20; tr.165-170]. Từ khoảng năm 1636 trở đi, sự hiện diện của các thương nhân châu Âu ở khu vực Hội An ngày một thêm đông. Sự qua lại của các thuyền buôn châu Âu gặp không ít trở ngại ở khu vực Hoàng Sa, một số thủy thủ Hà Lan sau đó đã được các thành viên hải đội Hoàng Sa cứu khi tàu Grootenbroeck của họ bị nạn ở khu vực các đảo thuộc quần đảo này [21; tr.8].

Tiêu biểu là hoạt động cứu trợ thủy thủ tàu buôn của Công ty Đông Ấn Hà Lan có trụ sở tại Batavia (Jakarta) ở gần Cù Lao Chàm vào năm 1641 [16; tr.430]. Mãi đến năm 1756, hoạt động cứu trợ trên biển một lần nữa được nhắc lại khi thủy quân Đàng Trong cứu được đoàn thuyền bị nạn bởi bão biển của viên quan cai trị hai vùng Phúc Kiến và Chiết Giang là Lê Đức Huy trên hải phận Đàng Trong. Trước khi đưa nhóm bị nạn trở về Phúc Kiến, chúa Nguyễn đã cho hậu đãi Lê Đức Huy đồng thời cử Hàn lâm viện Nguyễn Quang Tiễn áp tải tù nhân 16 người thuộc nhóm hải tặc Lí Văn Quang trở về bàn giao cho nhà Thanh xử trí. Hơn 40 năm sau đó, việc cứu trợ được nhắc đến một lần nữa khi thủy quân chúa Nguyễn cứu quân Xiêm gần đảo đại Côn Lôn, đánh bại quân Miến Điện đối địch [7; tr.166, 365].

2.3.2. Chống xâm lấn và đánh đuổi cướp biển

So với việc cứu trợ tàu nước ngoài bị nạn trên Biển Đông thuộc hải phận Đàng Trong, việc tổ chức phòng bị chống xâm lấn và đánh đuổi cướp biển được ghi chép nhiều hơn. Một mặt, việc phòng chống xâm lấn và đánh đuổi cướp biển xuất phát từ nhu cầu tự thân của chính quyền chúa Nguyễn trong việc xác lập và bảo vệ chủ quyền. Một mặt khác, hoạt động này có ý nghĩa quốc tế khi nó còn nhằm đảm bảo tình hình an ninh, an toàn cho các tàu thuyền Đàng Trong và cả tàu thuyền nước ngoài trên Biển Đông. Các hoạt động khẳng định quyền làm chủ trên biển được thực thi ngay từ khi Nguyễn Hoàng giữ vị trí Tổng trấn tướng quân kiêm quản Thuận Hóa, Quảng Nam. Nguyễn Phúc Nguyên khi còn là thế tử đã từng đụng độ với lực lượng vũ trang trên các tàu phương Tây ở vùng Cửa Việt [7; tr.35-36]. Sự thắng lợi của Nguyễn Phúc Nguyên trong cuộc xung đột này cho thấy ông có thể là người kế vị có năng lực.

Chúa Nguyễn một mặt chấp thuận sự hiện diện các thương thuyền phương Tây, các thương điểm của họ tại Hội An, mặt khác ra sức đề phòng sự “dính líu” của họ vào tình hình chính trị, nhất là đối với thuyền của Công ty Đông Ấn Hà Lan tham gia buôn bán của ở Đàng Ngoài và Đàng Trong. Thiết chế kiểm soát nghiêm ngặt các tàu lưu thông hai miền Nam – Bắc được chúa Nguyễn thiết lập và quan Trấn thủ Quảng Nam thực thi. Cuộc chiến đấu bảo vệ vùng biển chống lại sự xâm lấn một lần nữa diễn ra trong những năm 1641-1643, khi đó Nguyễn Phúc Tần còn đang giữ chức Phó tướng Dũng lễ hầu. Ông đã chỉ huy thủy quân Đàng Trong tấn công đánh đuổi 8 chiến thuyền của Công ty Đông Ấn Hà Lan ở cửa Eo (nay là cửa Thuận An) khi mà đội thuyền của công ty này hành động theo sự thỏa thuận với chúa Trịnh Tráng tiến vào vùng biển thuộc

quyền kiểm soát của hải quân Đàng Trong [10; tr.26-27]. Sự xâm nhập của các chiến thuyền Hà Lan đã bị một đội trình sát thuộc hải quân chúa Nguyễn nắm bắt và thông báo với lực lượng chiến đấu dưới sự điều khiển của Dũng lễ hầu Nguyễn Phúc Tần [7; tr.55-56]. Thực tế đây là kết quả của một giai đoạn xung đột kéo dài từ năm 1637 cho đến năm 1643.

Những va chạm được đẩy lên đỉnh điểm dẫn đến việc Công ty Đông Ấn Hà Lan can dự vào cuộc nội chiến Trịnh và Nguyễn trước tiên xuất phát từ đề nghị của Trịnh Tráng tới Toàn quyền Đông Ấn Hà Lan tại Batavia (Jakarta) với những lời lẽ đường mật về quyền lợi được chia sẻ nếu như người Hà Lan giúp chúa Trịnh đánh chiếm Đàng Trong. Năm 1641 việc chúa Nguyễn cho tịch thu toàn bộ số hàng trên hai chiếc tàu Hà Lan bị đắm gần vị trí của Cù Lao Chàm và bắt giữ số thủy thủ may mắn sống sót đã kích động ý đồ xâm chiếm năm sau sự trả thù. Mâu thuẫn lên cao đến mức mà Công ty Đông Ấn Hà Lan quyết định đóng cửa thương điểm của họ ở Hội An và trả thù bằng cách tấn công những người Đàng Trong ở ven biển bằng 5 chiến thuyền chở 125 thủy thủ và 70 binh lính. Trong những tháng 5 đến 7 năm 1642, lực lượng này đã nhiều lần tấn công vào Quy Nhơn, Đà Nẵng [10; tr.25-28]. Đáp lại, lực lượng lính thủy bộ Đàng Trong cũng tấn công tiêu diệt toàn bộ lực lượng thâm nhập bất hợp pháp vào Quy Nhơn. Những xung đột kéo dài bởi nhiều sự tham gia của nhiều phía đôi lập cho đến năm 1651 mới được hòa giải để các thương thuyền Đông Ấn Hà Lan quay lại Đàng Trong buôn bán. Tuy nhiên, mối quan hệ thương mại giữa Công ty Đông Ấn Hà Lan và chính quyền Đàng Trong dần tàn lụi vào năm 1654 [22; tr.15-20].

Những va chạm đối với các thuyền buôn và chiến thuyền của người châu Âu trên vùng hải phận Đàng Trong không xảy ra thường xuyên nhưng trong bối cảnh lúc bấy giờ, lực lượng thủy quân chúa Nguyễn không hề thua kém đối thủ, thậm chí còn mạnh mẽ hơn rất nhiều trường hợp. Trong chuyến đi ngoại giao vào Đàng Trong những năm 1695 – 1696, Thomas Bowyear - đại diện của phái đoàn Anh nêu những mặc cả liên quan đến quyền lợi vượt trội của Anh về quyền đàm phán, quyền ngoại giao song đều bị chúa Nguyễn Phúc Chu khước từ vì cho rằng nó gây nguy hại đến an ninh. Ông chỉ tập trung hướng các mối quan hệ với Công ty Đông Ấn Anh vào các hợp tác thương mại hòa bình nhưng người Anh thì muốn đi xa hơn như thế. Do đó, quan hệ giữa người Anh và chính quyền Đàng Trong trở nên căng thẳng trong vụ việc xây dựng pháo đài và thương điểm của Anh ở Côn Đảo trong những năm 1702 – 1705. Bằng cách phối hợp với người dân địa phương và các nô lệ người Mã Lai đẩy người Anh ra khỏi các vị trí chiếm đóng [7; tr.117], Trần thủ dinh Trần Biên là Trương Phúc Loan cho người Anh thấy rằng chính quyền Đàng Trong có thể giải quyết vấn đề Côn Đảo theo cách của họ và không dễ bị bắt nạt.

Ở cực Tây Nam Bộ, những cuộc xung đột giữa chúa Nguyễn với các nước lân bang như Chân Lạp, Xiêm đã dẫn đến việc nhiều lần thủy quân Đàng Trong tiến hành các hoạt động vũ trang. Cuộc đụng độ giữa quân Đàng Trong và quân Phù Nam ở Phù Viên, sông Lật Giang và ở Cù Ao trong năm 1731 đã khẳng định sức mạnh đủ để giữ vững quyền lợi trên biển của thủy quân chúa Nguyễn ở Gia Định và ở vùng đồng bằng sông Mekong. Cuối năm 1789, lực lượng thủy quân chúa Nguyễn dưới sự chỉ huy của Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Trương đã bảo vệ được chủ quyền đối với vùng biển sau khi đánh tan quân Ba Xắc ở bãi Xao Châu, phía bắc cửa biển Mỹ Thanh [7; tr.142, 254].

Việc đối phó thường xuyên với cướp biển người Hoa, người Xiêm nhằm đảm bảo an ninh hàng hải ở vùng biển từ Phú Yên đến Hà Tiên và bảo vệ đất liền đã xác nhận một cách vững chắc quyền lực của chính quyền Đàng Trong trên Biển Đông. Chống cướp biển là cuộc chiến kéo dài thế kỉ. Năm 1747, Cai cơ thủy quân Tổng Phước Đại đã đánh dẹp được cuộc tấn công vào dinh Trần Biên của đảng người Hoa hơn 300 người do Lí Văn Quang – một khách buôn nhà Thanh – làm chủ mưu [7; tr.154]. Tuy nhiên, riêng đối với hải tặc nhà Thanh, cũng như tàu phương Tây xâm phạm, các chúa Nguyễn có chính sách riêng chỉ đánh bắt hoặc đuổi đi mà không truy sát đến cùng. Trường hợp giải quyết toán cướp biển là người Việt do tên Đức cầm đầu, hoặc với các nhóm cướp biển có nguồn gốc từ đảo, quần đảo ngoài khơi Đông Nam Á như giặc biển Chà Và

cho thấy rõ sự khác biệt đó. Tháng 8 năm 1747, cai đội thủy binh Từ Hữu Dụng nhận lệnh của Tung Đức Hầu Mạc Thiên Tứ đã đem 10 chiến thuyền truy bắt và tiêu diệt hoàn toàn lực lượng cướp biển của Vương Văn Đức (người phủ Quy Nhơn) [23; tr.80] trên biển Long Xuyên.

Thủy quân trấn giữ Hà Tiên do gia tộc họ Mạc chỉ huy đã thể hiện được vai trò của họ trong việc bảo vệ trị an và giữ vững quyền làm chủ trên biển ở vùng biển Tây Nam Bộ, trước hết ở sự chủ động truy quét đội hải tặc Triều Châu của Hoắc Nhiên ở đảo Cổ Công thuộc Hà Tiên năm 1767 [24; tr.184]. Trong việc bảo vệ chủ quyền cả trên đất liền và trên mặt biển, quân thủy bộ Hà Tiên dưới quyền thống soái của Mạc Thiên Tứ còn thường phải đối mặt với các cuộc nổi loạn, chống lại của các thế lực đối địch bản địa cũng như sự xâm lấn của các nước láng giềng. Cuộc xung đột trong những năm 1770 giữa Mạc Thiên Tứ và quân nổi dậy Phạm Lan ở vùng Hương Úc, Cần Vọt cùng với quân Chà Và của Vang Ly Ma Lư và quân nổi loạn Chân Lạp do Ốc Nha Kê cầm đầu, đẩy lùi và tiêu diệt lực lượng chống đối gồm 15 thuyền chiến và 800 nhân mạng. Tuy nhiên, lực lượng trong tay của Mạc Thiên Tứ chỉ có thể duy trì trong giới hạn địa phương, họ không thể kháng cự được cuộc tấn công của quân Xiêm vào trấn Hà Tiên, buộc phải theo đường thủy rút chạy về đạo Trấn Giang. Chúa Nguyễn đã lựa chọn phương thức giải quyết cuộc xâm lấn của người Xiêm ở Hà Tiên và vùng biển Tây Nam Bộ bằng việc điều động đại quân từ Gia Định về ứng phó. Khoảng 10.000 quân thủy và bộ thuộc hai dinh Bình Khang và Bình Thuận cùng 20 thuyền chiến đồn trú tại Gia Định và trấn thủ Hà Tiên được sử dụng trong cuộc chiến chống Xiêm dưới quyền của Nguyễn Cửu Đàm (Chưởng cơ) và Trần Phước Thành (Cai bạ dinh Quảng Nam). Nguyễn Khoa Thuyên (Cai bạ dinh Long Hồ) được lựa chọn vào vị trí chỉ huy 3.000 người và 50 thuyền chiến của thủy quân Gia Định [7; tr.174-177], lực lượng sau đó đã đóng vai trò chủ chốt trong cuộc chiến đấu chống lại quân Xiêm.

Nạn giặc biển Tề Ngôi hay Ô Tàu (từ Trung Quốc sang) hoành hành trên Biển Đông vào cuối thế kỉ XVIII đã trở thành một mối lo ngại đối với vùng ven biển, nhất là các viên trấn thủ trên những vùng cửa biển Tây Nam Bộ. Nhóm “hải phi” này có phạm vi hoạt động rất rộng. Chúng thường xuyên sử dụng các loại thuyền không có cột buồm và được xác định đến từ vùng biển phía Nam Trung Hoa như Quảng Đông, Phúc Kiến, Triết Giang... rất gần với Biển Đông [25; tr.59]. Trong suốt nhiều năm liên tiếp, cũng trong tình trạng tương tự như thủy quân Đàng Ngoài, lực lượng thủy quân chúa Nguyễn phải đối phó với không ít thuyền hải tặc này. Nguyễn Ánh khi đó yêu cầu lực lượng trấn giữ cửa biển sẵn sàng chuẩn bị binh thuyền để đón đánh giặc biển Tề Ngôi vì còn rất nhiều nhóm quanh quẩn trên các hòn đảo gần bờ biển Phú Yên, khu vực cửa biển Tân Quan và Vũng Đuối, Thị Nại.

Bảng 3. Niên biểu thủy quân của chúa Nguyễn chống giặc biển Tề Ngôi

STT	Năm	Sự kiện	Ghi chú
1.	1792	Cai cơ Nguyễn Tiến Lượng và Nguyễn Văn Thụy đánh giặc Tề Ngôi ở Hòn Cau trên vùng biển Hà Tiên	
2.	1797	Cai cơ Lê Quang Tường đánh giặc Tề Ngôi ở ngoài biển Bình Khang khu vực Hòn Tre	được thưởng 3 tấm sa đoan và 100 quan tiền
3.	1798	Tại vụng Thùyn Vân thuộc dinh Trấn Biên, thủy quân lại bắt được hai thuyền giặc biển Tề Ngôi dẫn về Gia Định	
4.	-	Cai cơ Lê Văn Tường theo lệnh của Lưu trấn Diên Khánh Nguyễn Văn Thành xuất quân đánh giặc Tề Ngôi ở biên Cù Huân, Vũng Diên	bắt được 2 thuyền, được thưởng nhiều 2 tấm, sa mát 4 tấm và 100 quan tiền

5.	1800	Phó trưởng chi Chi Tiền du Thắng võ là Trần Văn Duyên đem quân đón đánh đuổi được 12 thuyền giặc Tề Ngôi ở vùng Hòn Khói	
6.	-	Nguyễn Văn Trương đem 50 chiếc thuyền sai đi ra Thổ Dữ [Hòn Đất] dò bắt giặc biển Tề Ngôi	cướp thuyền chiến chở súng đạn, cống vật của thủy quân ở gần vùng biển Bình Thuận

[Nguồn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập 1, tr. 288-438]

Những hoạt động chống cướp biển cùng sự chống đối trên biển của thủy quân Đàng Trong cho thấy những nỗ lực của lực lượng này nhằm bảo đảm an ninh hàng hải. Ngay từ cuối thế kỉ XVI, trên vùng biển miền Trung, thủy quân Thuận – Quảng đã đánh đuổi “Nụy khấu” đến từ Nhật Bản. Những hoạt động ở vùng biển Tây Nam Bộ như sự biểu hiện sinh động của “chính sách” về Biển Đông của các chúa Nguyễn. Không chỉ đối phó với nạn giặc biển Tề Ngôi, ở vùng biển phía Tây Nam, thủy quân Đàng Trong còn phải đối phó với giặc biển Chà Và (đến từ Ấn Độ, Malaysia, Indônêxia ngày nay) ở bãi Hà Tiên và đảo Hòn Cau (Lang Dữ) (1792), ở Hòn Tre (Trúc Dữ), Kiên Giang (1796), hay giặc Tàu Ô trên vùng biển Đà Nẵng (1798) [26; tr.83-89]. Thắng lợi của Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Tiến Lương, Nguyễn Văn Thoại năm 1792 là một thành quả đáng kể. Đặc biệt là trong cuộc vây ráp cướp biển vào năm 1796, vệ úy vệ Hùng võ Nguyễn Đức Xuyên cùng các binh thuyền của 10 vệ quân Thần sách, Tả quân đã chiến đấu và khẳng định được chủ quyền trên biển Tây Nam Bộ bằng một thắng lợi, bắt được thủ lĩnh Chà Và cùng hơn 80 hải tặc và 15 thuyền, cũng rất nhiều súng ống khí giới [7; tr.288-289, 340]. Trong các cuộc đối phó xung đột và chống giặc biển, ngoài lực lượng chủ đạo là quân chính quy chúa Nguyễn còn ghi nhận sự tham gia của dân chúng và dân binh địa phương ở các vùng biên trấn. Sau những chiến thắng của quân thủy ở vùng biển miền Trung đánh bại sự thâm nhập trái phép của các nhóm cướp biển người Hoa, Nguyễn Ánh đã thể hiện ý đồ thiết lập mối quan hệ giao hảo với nhà Thanh để mưu nhận được sự ủng hộ trong cuộc đối đầu với quân Tây Sơn song không đạt được thỏa thuận nào.

3. Kết luận

Chính sách về Biển Đông thời kỳ chúa Nguyễn được thực hiện trong bối cảnh lực lượng Đàng Trong một mặt trưởng thành qua các cuộc xung đột vũ trang với thế lực đối địch để củng cố vị thế cát cứ của mình, mặt khác chính quyền này chủ trương đẩy mạnh việc bành trướng về phía Nam để thu tóm những vùng đất đai rộng lớn và trù phú. Trong hơn hai thế kỉ cầm quyền của các chúa Nguyễn, đối với sự khẳng định chủ quyền quốc gia trên biển, các chúa Nguyễn đã có những biện pháp nhất định hướng về phía biển. Những hoạt động liên quan đến Biển Đông khi đó đã cho thấy các chúa Nguyễn đã xác lập được chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển, thủy quân thời kỳ này là lực lượng mạnh trong khu vực Đông Nam châu Á. Phạm vi ảnh hưởng nằm trong vùng xác định chủ quyền Biển Đông thể hiện ở việc xác lập tuyến phòng vệ bờ biển, bảo vệ cửa biển, bảo vệ các hải đảo trên Biển Đông – những đảo mà quân và dân thời kỳ này có khả năng đặt chân đến, có khả năng sinh sống, kiểm soát hay khai thác lợi ích.

Hơn nữa, trong các chính sách về Biển Đông, các chúa Nguyễn bước đầu đã xác lập thể ứng xử với các tàu thuyền nước ngoài. Hoạt động của thủy quân Đàng Trong với các tàu thuyền này không chỉ thể hiện tinh thần quốc tế qua việc thực hiện một số hoạt động cứu trợ các tàu buôn ngoại quốc, tàu thuyền nước ngoài gặp nạn ngoài khơi trôi dạt vào vùng biển Đàng Trong. Thường xuyên và quyết liệt hơn cả là việc chống lại các nhóm hải tặc trên biển vừa đảm bảo an ninh đối với các vùng cửa biển, đối với ngư dân và đối với cả các tuyến hàng hải ven bờ. Sự truy quét các toán cướp biển cho thấy sức mạnh của thủy quân lúc bấy giờ và góp phần đảm bảo trị an trên vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia. Trong thể ứng xử ấy, rõ ràng các chúa Nguyễn đã có sự

phân lập các đối tượng và hành vi để đáp trả tương xứng nhưng dựa trên phương châm mềm mỏng với kẻ mạnh, thẳng tay với kẻ yếu hơn mình. Chính sách về Biển Đông của các chúa Nguyễn đã xác lập những cơ sở chính trị, quân sự và những tiền đề đối với công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo, cũng như thực thi các hoạt động có ý nghĩa quốc tế trên biển của Việt Nam.

Lời cảm ơn: Bài báo nằm trong khuôn khổ đề tài *Chính sách của các triều đại quân chủ Việt Nam với vấn đề Biển Đông thế kỉ XVII-XIX*, Mã số B2018-SPH-51.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trịnh Hoài Đức, 1972. *Gia Định thành thông chí*, tập Trung. Bản dịch, Sài Gòn, Nha Văn hóa xuất bản.
- [2] Quốc sử quán, 2006. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, bản dịch. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3] Quốc sử quán, 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 2, bản dịch. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Lê Quý Đôn, 2007. *Phủ biên tạp lục*, bản dịch. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5] 1998. *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập 3, bản dịch. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] Đào Duy Anh, 2005. *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [7] Quốc sử quán, 2002. *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập 1, bản dịch. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Trương Hữu Quýnh et al., 2008. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, toàn tập. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Trần Nam Tiến, 2018. *Nam Bộ dưới thời chúa Nguyễn thế kỉ XVII – XVIII*. Nxb Khoa học Xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
- [10] Thiết Ngọc, Văn Nhan, 1952. "Một trận thủy chiến ác liệt giữa Việt Nam với Hòa Lan", trong Nhiều tác giả, 1952, *Thủy chiến Việt Nam*, Nùng Sơn thư xã ấn hành, in lần thứ hai, Hà Nội, tr. 25-28.
- [11] Nguyễn Đình Đầu, 1996. *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*. Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [12] Nguyễn Thế Trung, 2013. "Quá trình xác lập và khai thác chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ (từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX)", *Việt Nam học: Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ tư "Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững"*. Nxb Khoa học Xã hội, tr. 771-783.
- [13] Li Tana, 1992, "The Inner region": *A social and economic history of Nguyen Vietnam in the seventeenth and eighteenth centuries*, A thesis submittes for the degree of Doctor of Philisophy of the Australian National University.
- [14] Nguyễn Đình Đầu, 1987. *Địa chí Thành phố Hồ Chí Minh*, tập I. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [15] Nguyễn Nhã, 2013. *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [16] Phan Khoang, 2001. *Việt sử xứ Đàng Trong*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [17] Cristoforo Borri, 2014. *Xứ Đàng Trong năm 1621*, bản dịch. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [18] Viện Nghiên cứu văn hóa quốc tế, Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa, 2003. *Kiến trúc phố cổ Hội An – Việt Nam*, vol. 3/1996, bản dịch. Nxb Thế giới.
- [19] Chen Ching Ho, 1960. "Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An", *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 1/1960, Sài Gòn, tr. 1-33.
- [20] Nguyễn Quang Ngọc, 2017. *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa: Tư liệu và sự thật lịch sử*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

- [21] Ch. B. Maybon, 1916. “*Les Marchands européens en Cochinchine et au Tonkin (1660-1715)*”. Revue Indochinoise, janvier-juin.
- [22] Nhiều tác giả, 2007. *Những vấn đề lịch sử Triều Nguyễn*. Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- [23] Trần Thị Mai, 2013. “*Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (thế kỉ XVII-XIX)*”. Tạp chí Phát triển KH&CN (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh), tập 16, số X1-2013, tr. 76-85.
- [24] Quốc sử quán, 2006. *Đại Nam liệt truyện*, tập 1: Tiền biên, bản dịch. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [25] Phạm Hoàng Quân, 2011. “*Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và Biển Đông (Việt Nam) trong Đại Thanh Thực Lục đối chiếu với Đại Nam Thực Lục*”. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển (Huế), số 2 (85), tr. 49-74.
- [26] Nguyễn Quang Trung Tiến, 2013. “*Hải tặc trên vùng biển Việt Nam*”. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển (Huế), số 1 (99), tr. 83-94.

ABSTRACT

Policies on the South China Sea of Nguyen Lords (XVII-XVIII centuries)

Tran Van Kien

Faculty of Vietnamese Studies, Hanoi National University of Education

The transformation of the state model from centralizing power to dispersing power and forming branches of political power simultaneously took place with the process of establishing and expanding the influence of Nguyen lords on land as well as in the vast South China Sea. In the journey to build the career of the Nguyen lords in the South, the traffic-trading route on the South China Sea played an increasingly important role, becoming an indispensable part of the political and military life in Dang Trong in that time. Accordingly, the seas and islands were gradually placed in increasingly stricter supervision of the Marine forces under the Nguyen lords. Affirming national sovereignty, protecting and enforcing international interests on the South China Sea became important objectives of the navy in particular and the Dang Trong's political system in general during the centuries XVII - XVIII. In order to realize these goals, many activities were carried out in parallel, from building, organizing and training crowded and astute naval forces to strengthening patrol and combat capabilities, ensuring marine security, to the relief and rescue of boats inside and outside the country... all carried out in a continuous, systematic manner, associated with the process of establishing and strengthening the power of feudal rights on the south of Gianh river.

Keywords: South China Sea, Nguyen Lord, National sovereignty, Marine, International responsibility.